

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày: 09-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLHS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Đức H, sinh năm 1988, tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay tại: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Đinh Thị Kim K; có vợ tên Đỗ Thị Thúy A, có 02 người con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Phước H1, sinh năm 1999, tại tỉnh Tây Ninh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay tại: Khu phố Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Công T và bà Trần Thị A; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 29/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án phạt tù tại Trại giam Cây Cày, chấp

hành xong ngày 13/6/2021 (chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Thanh T, sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay tại: Khu phố LC, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Võ Văn G và bà Nguyễn Thị G; có vợ tên Đoàn Thị T; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức H: Ông Trần Minh T – Luật sư Công tác tại Văn phòng Luật sư Trần Minh Tuấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị hại: Anh Võ Văn H1, sinh năm 1982; cư trú tại: khu phố LA, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

Chị Võ Thị Châu, sinh năm 1984; cư trú tại: ấp R, xã TLT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Bà Võ Thị H3, sinh năm 1971;

Bà Võ Thị L, sinh năm 1974;

Cùng cư trú tại: khu phố LA, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2021, anh Võ Văn H1 vay của Lê Đức H số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 07%/tháng. Đến tháng 09/2022, anh H1 không trả nợ gốc và tiền lãi 03 tháng liên tục với tổng số tiền 121.000.000 đồng nên H tìm đến nhà anh H1 ngụ khu phố Lộc An, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng 02 lần để đòi tiền nhưng không gặp. Khoảng 13 giờ ngày 25/9/2022, anh Nguyễn Đức Trung (bạn của H) điện thoại cho H thông báo là H1 đang ở nhà nên H điện thoại rủ Trần Phước H1 và Võ Thanh T tiếp tục đến nhà anh H1 để đòi tiền thì tất cả đồng ý. Lúc này, H1 điều khiển xe mô tô biển số 70E1-271.00 chở H, T một mình điều khiển xe mô tô biển số 70L1-183.51 đến nhà của anh H1. Khi cách nhà anh H1 khoảng 100 mét, H xuống xe đi bộ vào nhà anh H1 bằng cửa sau, T và H1 điều khiển xe đến nhà anh H1 đi vào cửa trước. H lấy 01 con dao dài khoảng 15cm trong ống gạch nhà của H1 đi đến chỗ anh H1 đang nằm vồng dùng tay, chân đánh, đá trúng vào mông, ngực và đầu của anh H1, H tiếp tục lấy khúc cây ở cạnh hàng rào và cầm dao đe dọa để anh H1 sợ trả số tiền gốc và lãi tổng cộng là 121.000.000 đồng. Lúc này, T dùng tay đánh vào mặt, dùng chân

đá vào lưng của anh H1, H1 dùng tay phải đánh 05 cái trứng vào mặt, đầu và lấy cục gạch ống trước sân nhà của anh H1 đánh 02 cái trứng vào đầu và dùng chân đá trúng vùng lưng của anh H1 buộc anh H1 trả tiền nợ cho H. Đến khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày, chị Võ Thị C (em ruột của anh H1) phát hiện nên truy hô thì H, H1 và T bỏ chạy. Anh H1 được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 30/9/2022 thì ra viện.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 14/2023/TgT ngày 16/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Võ Thanh H1 do thương tích gây nên hiện tại là: Không có quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKSTrB ngày 29/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố các bị cáo Lê Đức H, Trần Phước H1, Võ Thanh T về tội: Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị H1 đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đức H, Trần Phước H1, Võ Thanh T phạm tội “Cường đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phước H1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Căn cứ d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Căn cứ khoản 5 Điều 170 BLHS, Điều 35 BLHS đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Đức H từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 5 Điều 170 BLHS, Điều 35 BLHS đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Thanh T từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Do bị cáo H1 không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Võ Thanh H1 đã nhận bồi thường và không yêu cầu khác.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Đề nghị H1 đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo H phát biểu: Việc truy tố của Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với bị cáo H là đúng người đúng tội. Thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo H. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo H chưa chiếm đoạt được số tiền từ bị hại H1. Ngoài ra, bị cáo H là lao động chính trong gia đình hiện phải nuôi mẹ già và con nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Mặc dù bị hại H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra khai nhận: Anh đã nhận bồi thường từ các bị cáo do đó, anh không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh có yêu cầu xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với bị hại Võ Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 25/9/2022, tại khu phố Lộc An, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Lê Đức H, Trần Phước H1 và Võ Thanh T đã dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần mục đích để anh H1 sợ và trả cho H số tiền 121.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, các bị cáo đã đánh đập đe dọa bị hại H1 nhằm uy hiếp tinh

thần để anh H1 sợ và trả số tiền 121.000.000 đồng. Các bị cáo đã bất chấp pháp luật làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

[3.1] Trong vụ án này giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò cụ thể, không có sự bàn bạc để thực hiện nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo H là người rủ rê các bị cáo khác đến gặp bị hại H1 để đòi tiền. Bị cáo cũng là người dùng dao để uy hiếp tinh thần của bị hại H1. Do đó, trong vụ án này bị cáo H phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

[3.2] Đối với bị cáo H1 sau khi được bị cáo H rủ rê, bị cáo đã tích cực tham gia thể hiện bị cáo đã dùng gạch đánh 02 cái vào đầu của bị hại H1. Mặt khác, bị cáo H1 đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm về hành vi của bị cáo đã gây ra và bằng với mức án với bị cáo H.

[3.3] Đối với bị cáo Võ Thanh T sau khi được bị cáo H rủ rê, bị cáo đã tích cực tham gia cùng với bị cáo H và bị cáo H1. Bị cáo cũng đã dùng chân, tay đánh nhiều cái vào người bị hại H1. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của bị cáo đã gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt có cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Cụ thể:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo H1 đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại H1 số tiền 42.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành thật khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; ngoài ra bị hại H1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T là bộ đội phục viên, có ông nội Võ Văn Hoanh là liệt sĩ nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 nên H1 đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo T có nhân thân tốt thể hiện chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo tham gia với vai trò không đáng kể. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã H1 mà chỉ cần áp dụng chế định hưởng án treo cũng đủ sức giáo dục bị cáo để trở thành người tốt.

Qua xác minh xét thấy bị cáo H, bị cáo T có sở hữu tài sản riêng là xe mô tô nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, T.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị hại đã nhận bồi thường số tiền 42.000.000 đồng và không có yêu cầu khác nên ghi nhận

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều các 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu sơn: đỏ - trắng, biển số 70E1-271.00, số máy: F124127466, số khung: RU120UA27466, dung tích xi lanh 120cm³ và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại RENO8Z5G, màu đen, số Imel1: 868062060387496, số Imel2: 868062060387488 thu của bị cáo H không liên quan đến vụ án cần tuyên trả lại bị cáo H nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu sơn: xanh – trắng, biển số 70L1-183.51, số máy 55P1194753, số khung: CE55P10CY194743, dung tích xi lanh 134cm³ thu của bị cáo T không liên quan đến vụ án cần tuyên trả lại bị cáo T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, trên mũ có ghi dòng chữ GLORIOUS; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng – đen, phía sau có ghi dòng chữ “Kim Tú”; 01 (một) khúc cây gỗ dài 73cm, đường kính 03 cm; 01 (một) áo khoác dài tay màu đen; 01 (một) quần sọt Jean màu xanh, phía sau túi quần bên phải có ghi dòng chữ Jean Fashion; 01 (một) áo sơ mi vải ngắn tay màu vàng, phía trước có ghi dòng chữ Comestu National; 01 (một) cục gạch ống màu đỏ, dài 18,5cm, ngang 8,5cm, một đầu bị bể không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, loại GALAXY A, màu xanh – đen, số Imel1: 354868102029214/01, số Imel2: 354869102029212/01 thu của T. Bị cáo thừa nhận có dùng liên lạc với bị cáo H hẹn gặp để đi đòi nợ anh H1. Xét thấy có liên quan đến vụ án cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Đức H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2023.

1.2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Phước H1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2023.

1.3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thanh T 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tuyên trả ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam về tội phạm khác.

Giao bị cáo Võ Thanh T cho Ủy ban nhân dân phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Võ Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự;

Phạt bổ sung bị cáo Lê Đức H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Phạt bổ sung bị cáo Võ Thanh T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tiền phạt bổ sung của các bị cáo bị sung quỹ Nhà nước.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị hại Võ Văn H1 đã nhận số tiền 42.000.000 đồng và không có yêu cầu khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, trên mũ có ghi dòng chữ GLORIOUS; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng – đen, phía sau có ghi dòng chữ “Kim Tú”; 01 (một) khúc cây gỗ dài 73cm, đường kính 03 cm; 01 (một) áo khoác dài tay màu đen; 01 (một) quần sọt Jean màu xanh, phía sau túi quần bên phải có ghi dòng chữ Jean Fashion; 01 (một) áo sơ mi vải ngắn tay màu vàng, phía trước có ghi dòng chữ Comestu National; 01 (một) cục gạch ống màu đỏ, dài 18,5cm, ngang 8,5cm, một đầu bị bể.

Tuyên trả lại bị cáo Lê Đức H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu sơn: đỏ - trắng, biển số 70E1-271.00, số máy: F124127466, số khung: RU120UA27466, dung tích xi lanh 120cm³; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại RENO8Z5G, màu đen, số Imel1: 868062060387496, số Imel2: 868062060387488 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tuyên trả lại Võ Thanh T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu sơn: xanh – trắng, biển số 70L1-183.51, số máy 55P1194753, số khung: CE55P10CY194743, dung tích xi lanh 134cm³ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động NOKIA 150, màu đen, số Seri1: 350085539140902, số Seri2: 350085539640901; 01

(một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, loại GALAXY A, màu xanh – đen, số Imel1: 354868102029214/01, số Imel2: 354869102029212/01

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của bị cáo./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm